

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRI TÔN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 03-01-2023
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Thị Thúy Liễu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chế Thị Hồng Cẩm;
2. Ông Chau Rót Tha.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Kim Liệu - thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa: Ông Chau Pho Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 341/2022/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2022 về việc " Tranh chấp ly hôn, nuôi con " theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Néang M, sinh năm 1990. Địa chỉ: Tổ 15, khóm S, thị trấn C, huyện TT, tỉnh An Giang, (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Dúth S, sinh năm 1982. Địa chỉ: Tổ 15, khóm S, thị trấn C, huyện TT, tỉnh An Giang, (xin vắng mặt).

Người phiên dịch: Ông Kim Seng – Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt nam xã Châu Lăng, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn bà Néang M trình bày:* Bà M và ông S tự tìm hiểu nhau và được gia đình tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C (thị trấn C), huyện TT, tỉnh An Giang ngày 10/9/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng lên Đồng Nai làm công nhân, quá trình chung sống không có hạnh phúc, ông S không chăm lo gia đình nên phát sinh mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không còn tình cảm với nhau đã ly thân, không còn liên lạc. Nên yêu cầu Tòa án

giải quyết cho ly hôn với ông Dúth S; Về con chung có 02 con chung tên Chau R, sinh ngày 22/4/2008 và Néang R, sinh ngày 28/12/2009, hiện nay bà M đang trực tiếp nuôi hai con, khi ly hôn yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung: không có; nợ chung: không có.

** Bị đơn ông Dúth S có ý kiến trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 06 tháng 12 năm 2022.*

Ông và bà M tự tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện TT, tỉnh An Giang ngày 10/9/2010. Trong quá trình chung sống ông thấy vợ chồng không có gì mâu thuẫn nên không đồng ý ly hôn với bà M. Về con chung có 02 con chung tên Chau R, sinh ngày 22/4/2008 và Néang R, sinh ngày 28/12/2009, hiện nay bà M đang trực tiếp nuôi hai con, ông không có ý kiến; về tài sản chung; về nợ chung: không có.

Tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, ông S có đơn xin vắng mặt.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên tổng đạt thông báo thụ lý cho nguyên đơn và bị đơn còn trễ thời gian theo quy định.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà M đối với ông Dúth S. Về con chung: Có 02 con chung tên Chau R, sinh ngày 22/4/2008 và Néang R, sinh ngày 28/12/2009 con do bà M nuôi dưỡng và 02 cháu cũng có nguyện sống với mẹ, nên cần tiếp tục giao con chung cho bà M nuôi dưỡng, ông S không phải cấp dưỡng nuôi con do bà M không yêu cầu, nên không xem xét. Về tài sản chung: không có. Về nợ chung: không có. Về án phí: Bà M phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Dúth S có đăng ký hộ khẩu và thường trú tại: Tổ 15, khóm S, thị trấn C, huyện TT, tỉnh An Giang. Tòa án nhân

dân huyện TT thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách, sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông S có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông S.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà M và ông S qua tìm hiểu, quen biết nhau và gia đình hai bên có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C (thị trấn C), huyện TT, tỉnh An Giang vào 10/9/2010 được pháp luật thừa nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân gia đình.

Tại phiên tòa bà M xác định cả hai đã ly thân trong một thời gian dài không còn liên lạc, do quá trình sống chung ông S không quan tâm, lo cho gia đình vợ con, không có sự đồng cảm với nhau, luôn xảy ra mâu thuẫn. Tại biên bản xác minh ngày 29 tháng 11 năm 2022 Văn phòng khóm S xác định “...bà M và ông S có hộ khẩu thường trú tại tổ 15, khóm S, nhưng ít thấy ông S có mặt tại địa phương, thỉnh thoảng có về, còn vợ chồng có mâu thuẫn hay không thì không rõ.....”. Thực tế cho thấy cả hai không còn sống chung với nhau, hôn nhân không hạnh phúc, thể hiện qua 02 quyết định đình chỉ của Tòa án huyện Tri Tôn và Tòa án thị xã Tân Uyên. Bà M đã yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông S, nhưng vì muốn tạo cơ hội cho hai bên hàn gắn, đoàn tụ nên bà M đã rút đơn. Nhưng sau thời gian ông S vẫn không thay đổi và tại phiên tòa hôm nay bà M kiên quyết ly hôn với ông S. Điều đó cho thấy cuộc sống hôn nhân cả hai đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án hai lần triệu tập hoà giải nhưng ông S không đến, cũng chứng minh rằng ông không quan tâm đến tình trạng hôn nhân của vợ chồng, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Néang M đối với ông Dúth S.

[4] Về con chung: Chau R, sinh ngày 22/4/2008 và Néang R, sinh ngày 28/12/2009. Xét thấy, từ khi ly thân đến nay 02 cháu đều do bà M nuôi dưỡng, cả 02 cháu cũng có nguyện sống với mẹ, nên cần giao con chung cho bà M tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định pháp luật tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà M không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: không có, không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có, không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bà M khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự hôn nhân sơ thẩm theo mức không giá ngạch. Ông S không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Néang M đối với ông Dúth S. Bà Néang M được ly hôn với ông Dúth S.

Giấy chứng nhận kết hôn số 68, ngày 10 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban nhân dân xã C (thị trấn C), huyện TT, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

[2] Về con chung: Chau R, sinh ngày 22/4/2008 và Néang R, sinh ngày 28/12/2009. Giao 02 cháu cho bà M nuôi dưỡng. Ông S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà M cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông S thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con.

[3] Về tài sản chung: không có.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Về án phí: Bà Néang M phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009669 ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn, bà My đã nộp đủ án phí. Ông S không phải chịu án phí.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

[7] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh AG;
- VKSND tỉnh AG;
- VKSND h.Tri Tôn;
- Chi cục THADS h.Tri Tôn;
- UBND thị trấn Cô Tô;
- Các đương sự;
- Lưu HS & VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Sơn Thị Thúy Liễu